

Số: 80/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2026/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 04/12/1981.

Địa chỉ: Xóm K, xã Y, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duyên M, sinh ngày 23/5/1981

Địa chỉ: Xóm K, xã Y, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTWQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Duyên M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Duyên M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Duyên M đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Duyên C, sinh ngày 04/10/2008 và Nguyễn Duyên Duy C1, sinh ngày 15/8/2013.

Chị N, anh M thống nhất thoả thuận: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Duyên C, sinh ngày 04/10/2008. Giao cho anh Nguyễn Duyên M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Duyên Duy C1, sinh ngày 15/8/2013 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh M thống nhất thoả thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N và anh M cho đến khi có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Chị N, anh M thống nhất tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

2.5. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị N, anh M đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có nợ chung, các khoản cho vay chung đều không có.

2.6. Về án phí: Chị N, anh M thống nhất thoả thuận: Chị N chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Thái Nguyên theo Biên lai thu số 0000930 ngày 11/3/2026. Hoàn trả lại cho chị N 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND KV 4- Thái Nguyên;

THẨM PHÁN

- Phòng THADS khu vực 4-TN;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã Yên Trạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hà Thị Thu Thủy